

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TUẤN
THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	1. Tốt nghiệp trung học cơ sở. 2. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi (sinh năm 2009). - Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước. - Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi (tức tối đa 18 tuổi- sinh năm 2006) so với tuổi quy định.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình Giáo dục phổ thông 2018		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Liên lạc giữa Nhà trường và cha, mẹ học sinh thường xuyên bằng các phương tiện: điện thoại, zalo, hệ thống onluyen.vn - Thái độ học tập của học sinh: Có bảng nội qui cho học sinh.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Giáo viên Quản nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn lưu ý giúp ôn tập cho học sinh còn yếu, kém.. - Tổ chức các hoạt động văn nghệ, TDTT, sinh hoạt dưới cờ, ngoại khóa...		



V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học lực Giỏi và Khá trên 70% - Hạnh kiểm Tốt, Khá trên 90% - Tỷ lên lớp 100% - Tỷ lệ Tốt nghiệp THPT 100% - Tỷ lệ đậu (vào) CĐ, ĐH trên 90% - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Lên lớp (Lớp 10, 11) - Đậu Tốt nghiệp THPT, có khả năng học lên CĐ, ĐH (Lớp 12)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Cảnh



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TUẤN
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học
cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	272	73	121	78	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	77.9%	79.5%	71.1%	87.2%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	18.4%	12.3%	25.6%	12.8%	
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3.7%	8.2%	3.3%	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	272	73	121	178	
1	Tốt/Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	15.1%	19.2%	14.9%	8.9%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38.6%	35.6%	33.9%	21.2%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	46.3%	45.2%	51.2%	8.6%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.0%	0.0%	0.0%	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	272	73	122	78	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	34.2%	26.4%	38.7%	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1.6%	0.4%	0	0	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14%	4.8%	1.9%	8.9%	
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	48.7%	0	0	48.7%	



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.9%	1.1%	4.5%	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.0%	0.4%	0.4%	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	15.1%	2.7%	23.1%	12.8%	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8.8%	9.9%	6.2%	9.3%	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	-	-	-	-	
1	Cấp huyện	-	-	-	-	
2	Cấp tỉnh/thành phố	-	-	-	-	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	-	-	-	-	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	78	-	-	78	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	73	-	-	73	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	70%	-	-	70%	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	144/128	35/38	66/55	43/35	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	103	32	42	29	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Phạm Minh Cảnh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TUẤN
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	11	2m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	2m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	2	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	900m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	200m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	700m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	50m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	50m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	50m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	20m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	54	7 bộ /lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	54	
1.1	Khối lớp 10	8	
1.2	Khối lớp 11	21	
1.3	Khối lớp 12	25	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.1	Khối lớp 10	4	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/ thiết bị)	0	-
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	1hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	6	
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	0	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	6	
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	0	
..			

VÁ Đ
 ỜNG
 ; PHỐ TH
 ỐC TU
 HỒ C

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	3	20	3
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	2/5	0	0.5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Phạm Minh Cảnh



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TUẤN
THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	40													
I	Giáo viên	32													
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	32													
1	Toán	5		3	2				X				5		
2	Ngữ văn	4		2	2				X				4		
3	Tiếng anh	4			4				X				4		
4	Vật lí	3		1	2				X				3		
5	Hóa học	3		1	2				X				3		
6	Sinh học	1		1					X				1		
7	Lịch sử	2			2				X				2		
8	Địa lí	2		1	1				X				2		
9	GDCD (GDKT_PL)	2		1	1				X				2		
10	Tin học	2		1	1				X				2		
11	Thê dục	2		1	1				X				2		
12	GDQP-AN	2		1	1				X				2		
13	Công nghệ	0			0								0		
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	1			X										
III	Nhân viên	7													
1	Nhân viên kế toán	1			X										
2	Nhân viên y tế	1			X										
3	Nhân viên văn phòng	1			X										
4	Nhân viên công nghệ thông tin	1													
5	Học vụ	1					X								
6	Bảo vệ	1						X							
7	Tạp vụ	1						X							

Tp. HCM, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Phạm Minh Cảnh